

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày: 26/8/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Chiêm Đặng Thành Duy

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là: bà Tạ Kim T, sinh năm 1963 (văn bản ủy quyền số chứng thực: 599, quyền số 01/2023-SCT/HĐ,GD ngày 04/7/2023) (có mặt);

Địa chỉ: số E, đường C, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

Ông Trần Hoài P, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hoàng Á, sinh năm 2007;

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật cho anh Nguyễn Hoàng Á: bà Nguyễn Trúc X, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của ông Nguyễn Khoa Đ (mất ngày 16/12/2022). Hàng thừa kế của ông Đ gồm có 03 người: Bà Nguyễn Thị H (mẹ ông Đ), ông Nguyễn Văn B (cha ông Đ) và Nguyễn Hoàng Á (con ông Đ). Vợ của ông Đ là bà Nguyễn Trúc X đã ly hôn ngày 14/8/2015 và ông Đ chưa có kết hôn lại. Còn ông B thì đã được tòa án tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định 06/2023/QĐST-VDS ngày 19/5/2023, bà H là người giám hộ cho ông B. Còn Nguyễn Hoàng Á chưa thành niên có mẹ là Nguyễn Trúc X là người giám hộ theo pháp luật.

Khi ông Đ còn sống, ngày 01/9/2022 ông Đ có cho ông Trần Hoài P mượn số tiền 50.000.000 đồng, ông P có viết biên nhận nợ cho ông Đ, trong biên nhận nợ ngày 01/9/2022 ông P hứa đến ngày 01/01/2023 sẽ hoàn trả lại cho ông Đ. Tuy nhiên, sau khi ông Đ mất, gia đình bà H có nhiều lần yêu cầu ông P trả lại số tiền 50.000.000 đồng đã mượn của ông Đ nhưng ông P không trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Hoài P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền đã mượn của ông Nguyễn Khoa Đ là 50.000.000 đồng, trả một lần.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hoài P đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Á có đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Trúc X trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Khoa Đ nhưng đã ly hôn ngày 14/8/2015. Bà là người đại diện theo pháp luật cho anh Nguyễn Hoàng Á. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H thì đối với hàng thừa kế của ông Nguyễn Khoa Đ như bà H trình bày là đúng, việc ông Trần Hoài P có vay của ông Đ số tiền 50.000.000 đồng thì lúc ông Đ còn sống ông Đ có nói cho bà biết và hiện ông P vẫn chưa trả số tiền trên cho ông Đ.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H thì bà đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 28, 35. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn không đến tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa chấp hành nghiêm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông **Trần Hoài P** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại **ấp P, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ 50.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định phía ông **Nguyễn Khoa Đ** có cho ông **Trần Hoài P** vay số tiền 50.000.000 đồng. Phía nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bản chính biên nhận vay tiền có chữ ký ở phần người vay ký nhận là ông **Trần Hoài P**. Nhưng khi đến hạn trả tiền thì ông **P** không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn.

[2.2] Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông **Trần Hoài P** đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy tổng đạt Thông báo thụ lý vụ

án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy bị đơn ông P đã biết được số tiền vay mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không; điều này cũng đồng nghĩa là bị đơn đã thừa nhận số tiền vay còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn phải trả nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Bị đơn ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trần Hoài P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn ông Trần Hoài P chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn ông Trần Hoài P có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền là 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Hoài P phải chịu 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** hiện tại 73 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên bà **H** được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông **Trần Hoài P** được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. **Lê Thị Kim Thoa**

